



VN-Index giảm 1,0%

Ngày báo cáo 6/7/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index giảm 1,0%

VN-Index giảm 1,0% (-18,6 điểm) vào thứ Hai, đóng cửa phiên giao dịch tại mức 1.843,5 điểm. Tất cả các nhóm ngành đều ghi nhận mức giảm ròng ngoại trừ Bất động sản (+0,2%; VHM: +1,6%) và Công nghệ (+0,8%; FPT: +1,0%). Toàn sàn ghi nhận 60 mã tăng, 273 mã giảm và 48 mã đi ngang. Thanh khoản tăng mạnh so với phiên trước, đạt 22,4 nghìn tỷ đồng.

- Các cổ phiếu Công nghiệp như GEE (-5,9%), GEX (-5,9%), GEL (-6,9%), BMP (-3,0%), VGC (-2,0%) và VCG (-2,7%) lao dốc.
- Các mã Dầu khí như BSR (-4,9%), PLX (-4,0%) và PVD (-3,1%) giảm sâu.
- Nhóm Dịch vụ Tài chính diễn biến tiêu cực khi TCX (-3,3%), VCK (-2,0%), SSI (-2,2%), VPX (-1,8%) và VIX (-4,4%) giảm mạnh.
- Các mã giảm đáng chú ý ở các nhóm ngành khác bao gồm công ty Vàng bạc Đá quý PNJ (-7,0%), công ty Dịch vụ Lưu trú VPL (-3,3%), các doanh nghiệp Bán lẻ FRT (-3,5%) và MWG (-1,1%), nhà sản xuất Cao su GVR (-4,6%), doanh nghiệp Tiện ích GAS (-1,7%) và các mã liên quan đến Masan như MCH (-1,0%) và MSN (-1,8%).

Điểm tin & Nhận định nhanh

- Ngành Sản xuất Phân bón: Giá urê điều chỉnh giảm đáng kể trong đầu tháng 7
- BWE công bố tài liệu phát hành quyền mua
- MWG: Doanh thu quý 2/2026 của DMX đi ngang so với quý 1, duy trì mức tăng trưởng 30% so với cùng kỳ, doanh số máy lạnh tăng tốc
- PC1: ĐHCĐ bất thường nhằm miễn nhiệm và bầu 4 thành viên HĐQT trong bối cảnh cuộc điều tra đang diễn ra
- PNJ: Hoạt động kinh doanh vẫn trong tầm kiểm soát, các biện pháp về quản trị doanh nghiệp đang được triển khai - Báo cáo Gặp gỡ NĐT in early September - AGM Note

Báo cáo trong ngành

- GEX: Lợi nhuận cốt lõi của GEE/VGC tăng mạnh; tiếp tục mở rộng quỹ đất nhà ở - Cập nhật

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1843,5	296,5	127,8
% Δ	-1,0%	-3,6%	-0,2%
- % Δ 1 tuần	-0,6%	-6,8%	-1,2%
- % YTD	3,3%	18,4%	5,8%
- % YOY	32,9%	27,5%	26,3%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$855,5	\$49,7	\$18,7
- TB 1 tháng (triệu)	\$701,9	\$37,4	\$18,0
- TB 1 năm (triệu)	\$1.139,1	\$78,2	\$30,6
- TB QTD	\$691,0	\$43,7	\$16,7
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-18,2%	-2,0%	-17,4%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$57,7	\$1,5	\$0,2
- Bán (triệu)	\$164,0	\$2,5	\$0,6
- GT ròng (triệu)	-\$106,3	-\$1,0	-\$0,4
Độ rộng TT			
Mã tăng	60	40	103
Mã giảm	281	102	174
Không đổi	84	160	577
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	331,7	18,7	50,0
P/E trượt 12T	13,7	11,8	16,2
LS cổ tức*	2,7%	5,2%	3,6%
Giao dịch			
Giá		KL	GTGD
Phái sinh		mở cửa	(tr USD)
VN30F1M	1.995,0	30.699	1.085,3
VN30F2M	1.991,0	1.120	2,1
VN30F1Q	1.995,9	628	0,3
VN30F2Q	1.986,1	897	0,7
VN100F1M	1.912,7	26	0,2
VN100F2M	1.911,9	4	0,0
VN100F1Q	1.911,9	14	0,1
VN100F2Q	1.908,0	10	0,3
USD/VND		26.297	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, đà tăng của VN-Index bị gián đoạn bởi áp lực bán mạnh trong phiên 06/07. Dù vậy, chỉ số vẫn dao động trong vùng hỗ trợ 1.845–1.860 điểm, với sai số khoảng 5 điểm, qua đó tín hiệu tăng chưa hoàn toàn bị vi phạm. Bên cạnh đó, việc VN-Index thu hẹp một phần đà giảm quanh cận dưới vùng hỗ trợ cho thấy khả năng xuất hiện nhịp hồi phục từ phiên 07/07, nhưng đi kèm tần suất rung lắc cao.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

Ngành Sản xuất Phân bón: Giá urê điều chỉnh giảm đáng kể trong đầu tháng 7

* Tính đến ngày 03/07/2026, giá urê Trung Đông dao động quanh mức thấp 398 USD/tấn (-2% WoW; thấp hơn 19% so với mức trước xung đột), chủ yếu do: (1) rủi ro địa chính trị hạ nhiệt nhờ các cuộc đàm phán ngừng bắn/hòa bình đang diễn ra, (2) hoạt động xuất khẩu thực tế từ Trung Đông được phục hồi, và (3) Trung Quốc giảm đáng kể mức giá sàn/giá định hướng xuất khẩu urê xuống khoảng 430 USD/tấn FOB, từ khoảng 660 USD/tấn trong tháng 5, theo Bloomberg.

* **Giá urê Trung Đông và giá urê trong nước đều giảm mạnh trong đầu tháng 7**, lần lượt ở mức 398 USD/tấn và 11.800 đồng/kg, sau khi giá urê quốc tế hạ nhiệt.

* **Chúng tôi vẫn kỳ vọng KQKD quý 2 khả quan, nhưng tồn tại rủi ro trong nửa cuối năm:** Mặc dù đã điều chỉnh giảm trong thời gian gần đây, giá urê Trung Đông trung bình trong quý 2 vẫn đạt 689 USD/tấn (+29% QoQ; +72% YoY), trong khi giá urê trong nước trung bình đạt 16.200 đồng/kg (+22% QoQ; +33% YoY).

* **Quan điểm của chúng tôi:** Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự phóng LNST sau lợi ích CBTS năm 2026 của DCM (3,2 nghìn tỷ đồng, +61% YoY) và DPM (2,0 nghìn tỷ đồng, +82% YoY), chủ yếu do giá bán trung bình (ASP) của urê trong nửa cuối năm 2026 có khả năng thấp hơn kỳ vọng. Trong khi đó, chúng tôi chưa ghi nhận thay đổi đáng kể nào đối với các giá định giá dầu FO hiện tại, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

BWE công bố tài liệu phát hành quyền mua

* **Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (BWE)** đã công bố tài liệu tăng vốn, theo đó vốn điều lệ sẽ tăng từ 2,2 nghìn tỷ đồng lên 2,5 nghìn tỷ đồng (+14,3%) thông qua việc phát hành quyền mua với tỷ lệ 7:1.

* Thời gian phát hành:

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 23/07/2026
- Ngày đăng ký cuối cùng: 24/07/2026
- Thời gian chuyển nhượng quyền mua: 06/08/2026 – 31/08/2026
- Thời gian đăng ký mua và nộp tiền: 06/08/2026 – 07/09/2026

* **Các điều khoản phát hành không thay đổi so với phương án đã được thông qua tại ĐHCĐ năm 2026 của BWE:**

- Số lượng cổ phiếu chào bán: 31,4 triệu cổ phiếu
- Giá chào bán: 37.000 VND/cổ phiếu (tương đương 1,4 lần giá trị sổ sách/cổ phiếu tính đến ngày 31/12/2025 và thấp hơn 19% so với giá đóng cửa của ngày 03/07).

- Tổng số tiền dự kiến thu được: khoảng 1,16 nghìn tỷ đồng.

- Mục đích sử dụng vốn:

+ 14% (tương đương khoảng 164 tỷ đồng) cho thương vụ M&A CTCP Cấp nước Ninh Thuận (UPCoM: NNT). Trong tháng 01/2026, BWE đã chi 109 tỷ đồng cho việc mua 24,8% cổ phần. Công ty dự kiến chi thêm 55 tỷ đồng nhằm mua bổ sung 12,4% cổ phần, nâng tổng tỷ lệ sở hữu tại NNT lên 37,2%.

+ 19% (tương đương khoảng 225 tỷ đồng) cho dự án nhà máy điện rác 12MW tại Bình Dương với tổng mức đầu tư 1,2 nghìn tỷ đồng.

+ 67% (tương đương khoảng 773 tỷ đồng) nhằm mục đích thanh toán các khoản nợ đến hạn.

MWG: Doanh thu quý 2/2026 của DMX đi ngang so với quý 1, duy trì mức tăng trưởng 30% so với cùng kỳ, doanh số máy lạnh tăng tốc

CTCP Đầu tư Điện máy Xanh (DMX) đã công bố KQKD quý 2/2026 với tổng doanh thu đạt 32,9 nghìn tỷ đồng, tăng 29% YoY (so với mức 33% ghi nhận trong quý 1/2026) nhờ tăng trưởng doanh thu của hàng hiện hữu (SSSG). Doanh thu lũy kế nửa đầu năm 2026 (6T 2026) tăng 31%, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi và hoàn thành 50% dự báo cả năm ở mức 131 nghìn tỷ đồng.

Các điểm nhấn trong quý 2/2026 cụ thể như sau: Ngành hàng điện máy tăng tỷ trọng lên mức 45% doanh thu quý 2/2026 (từ mức 41% trong quý 1/2026) nhờ thời tiết nắng nóng thúc đẩy doanh số bán máy lạnh (AC) như dự kiến. Dịch vụ duy trì tỷ trọng ở mức 5% tổng doanh thu, tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng tích cực.

Trụ cột 1: Tăng trưởng từ lượng, bao gồm các ngành hàng bán lẻ

• Ngành hàng ICT: Đà tăng trưởng có sự phân hóa giữa các phân khúc sản phẩm chính. Tăng trưởng doanh thu điện thoại Apple hạ nhiệt xuống mức +35% YoY trong quý 2/2026 từ mức +65% YoY trong quý 1/2026. Tăng trưởng doanh thu điện thoại Android duy trì ở mức +15% YoY trong cả hai giai đoạn. Màn hình laptop cho thấy đà cải thiện, tăng tốc lên mức +40% YoY trong quý 2/2026 so với mức +30% YoY trong quý 1/2026. Tăng trưởng mảng phụ kiện giảm xuống +25% YoY từ mức +35% YoY trong quý 1/2026.

• Ngành hàng điện máy: Tăng trưởng được hỗ trợ bởi yếu tố mùa vụ của mùa hè. Tăng trưởng doanh thu máy lạnh tăng tốc mạnh lên +71% YoY trong quý 2/2026 từ mức +20% YoY trong quý 1/2026. Các phân khúc sản phẩm khác ghi nhận sự giảm tốc nhẹ từ mức đỉnh của quý 1/2026: thiết bị gia dụng tăng 26% YoY trong quý 2/2026 (giảm từ mức +45% YoY trong quý 1/2026), tủ lạnh tăng 24% YoY trong quý 2/2026 (giảm từ mức +45% YoY trong quý 1/2026), máy giặt tăng 19% YoY trong quý 2/2026 (giảm từ mức +30% YoY trong quý 1/2026) và tăng trưởng doanh thu tivi hạ nhiệt xuống +9% YoY từ mức +30% YoY trong quý 1/2026.

Trụ cột 2: Tài chính tiêu dùng & thanh toán

- Doanh số qua hình thức trả góp tăng 49% YoY trong 6T 2026. Doanh số trả góp chiếm 38% tổng doanh thu của DMX trong 6T 2026 so với mức 33% trong cả năm 2025.

- Đối với dịch vụ thanh toán hóa đơn tiện ích và dịch vụ đại lý ngân hàng, tổng giá trị giao dịch (GMV) đạt 56 nghìn tỷ đồng với hơn 36 triệu giao dịch trong 6T 2026, lần lượt tăng 7% và 11% YoY.

Trụ cột 3: Thợ DMX

- Trụ cột dịch vụ kỹ thuật ghi nhận sự tăng tốc về tổng doanh thu, đạt 1.198 tỷ đồng trong quý 2/2026, tăng trưởng 70% QoQ. Doanh thu đến từ khách hàng bên ngoài đạt 179 tỷ đồng (+19% YoY), chiếm 10% tổng doanh thu của phân khúc.

Trụ cột 4: Super App & các kênh trực tuyến

- Nửa đầu năm 2026, doanh thu qua các kênh này ở mức 7,1 nghìn tỷ đồng, tương đương 11% tổng doanh thu. Tổng số thành viên đăng ký Super App đạt 18,9 triệu người dùng trong 6T 2026, tăng thêm 1 triệu thành viên tính từ đầu năm đến nay.

Trụ cột 5: EraBlue (Indonesia)

- Doanh thu của EraBlue đạt 982 tỷ IDR trong quý 2/2026, tăng 85% YoY. Kết quả này phản ánh đã tăng trưởng chậm lại một chút so với mức tăng trưởng 100% YoY (906 tỷ IDR) được ghi nhận trong quý 1/2026. SSSG hạ nhiệt xuống mức 17% trong 6T 2026 từ mức 25% trong quý 1/2026. Việc mở rộng mạng lưới của hàng vẫn đi đúng lộ trình, đạt tổng số 261 cửa hàng (tăng thêm 80 cửa hàng tính từ đầu năm đến nay) trong 6T 2026, so với 212 cửa hàng (tăng thêm 31 cửa hàng tính từ đầu năm) trong quý 1/2026.

PC1: ĐHCĐ bất thường nhằm miễn nhiệm và bầu 4 thành viên HĐQT trong bối cảnh cuộc điều tra đang diễn ra

* CTCP Tập Đoàn PC1 (PC1) sẽ tổ chức ĐHCĐ bất thường vào ngày 24/07/2026 tại trụ sở công ty ở Hà Nội.

* **PC1 trình cổ đông thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung 4 thành viên HĐQT** nhiệm kỳ 2025–2030, trong đó có 2 thành viên HĐQT độc lập. Bốn thành viên HĐQT được đề xuất miễn nhiệm gồm:

+ Ông Trịnh Văn Tuấn – Chủ tịch HĐQT; ông Vũ Anh Dương – Thành viên HĐQT; ông Võ Hồng Quang – Thành viên HĐQT; và ông Nguyễn Minh Đệ – Thành viên HĐQT.

+ Lý do được nêu là các cá nhân này hiện **đang bị tạm giam** theo các quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

+ Danh sách thành viên HĐQT mới chưa được công bố.

* **Theo truyền thông trong nước, vào chiều ngày 02/07, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã khởi tố 47 bị can liên quan đến 5 nhóm hành vi sai phạm trong vụ án liên quan đến dự án đường dây 500kV mạch 3.** Dự án này do Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia làm chủ đầu tư, trong khi PC1 là nhà thầu EPC.

* PC1 cũng đề xuất bổ sung 3 công ty kiểm toán vào danh sách đơn vị kiểm toán năm 2026, bên cạnh 4 công ty Big Four đã được thông qua trước đó gồm EY, Deloitte, KPMG và PwC. Ba công ty kiểm toán được đề xuất bổ sung gồm Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế iCPA và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG.

* Riêng về CII, theo thông tin công khai trên truyền thông, ông Lê Quốc Bình, Tổng Giám đốc CII, cho biết CII sẽ không tham dự ĐHCĐ bất thường sắp tới của PC1 và cũng không để cử nhân sự vào HĐQT PC1. Ông cho biết CII chỉ có thể tham dự trong trường hợp PC1 cần đạt tỷ lệ tối thiểu 51% để tổ chức đại hội, nhưng sẽ bỏ phiếu trắng đối với tất cả nội dung trình cổ đông. Ông Bình nhấn mạnh khoản đầu tư của CII vào PC1 chỉ mang tính chất đầu tư tài chính. Tính đến ngày 30/06/2026, CII và một công ty liên quan sở hữu khoảng 9% cổ phần PC1.

* **Quan điểm của chúng tôi:** Cuộc điều tra liên quan đến PC1 vẫn đang tiếp diễn. Chúng tôi đang chờ thêm các công bố chính thức, đặc biệt là thông tin về nhân sự HĐQT mới, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, cũng như các thông tin làm rõ về phạm vi của cuộc điều tra.

PNJ: Hoạt động kinh doanh vẫn trong tầm kiểm soát, các biện pháp về quản trị doanh nghiệp đang được triển khai - Báo cáo Gặp gỡ NĐT

* Chúng tôi đã tham dự buổi gặp gỡ nhà đầu tư trực tuyến của CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ) với chủ đề "Đối thoại cùng Ban Lãnh đạo về Công ty và Cập nhật Thị trường" vào ngày 6/7/2026.

1. Bối cảnh

* Ngày 3/7/2026, truyền thông trong nước đưa tin Công an tỉnh Thanh Hóa đã khởi tố 22 cá nhân liên quan đến một vụ án buôn lậu kim cương xuyên quốc gia quy mô lớn. Theo kết quả điều tra, đường dây này được cho là do các đối tượng người Ấn Độ, chủ yếu sinh sống và làm việc tại Hồng Kông cầm đầu, thu mua kim cương từ Ấn Độ, tập kết hàng tại Hồng Kông và tổ chức nhập lậu vào Việt Nam. Cơ quan chức năng ước tính kể từ năm 2024, nhóm này đã buôn lậu hơn 28.000 viên kim cương qua 141 lô hàng từ Hồng Kông về Việt Nam, với tổng giá trị thị trường ước tính khoảng 280 tỷ đồng.

* Trong số các cá nhân bị khởi tố có ông Đặng Ngọc Thảo, nguyên Giám đốc Công ty TNHH MTV Giám định PNJ (P-Lab) – công ty con do PNJ sở hữu 100%, cung cấp dịch vụ kiểm định, phân loại và cấp giấy chứng nhận đá quý. Theo cơ quan chức năng, ông Thảo bị cáo buộc đã lợi dụng chức vụ và chuyên môn kỹ thuật để cấu kết với đường dây buôn lậu. Cụ thể, ông bị cáo buộc đã mua các viên kim cương giá rẻ, sai thông số so với giấy chứng nhận GIA (Gemological Institute of America), mài mã số GIA được khắc trên viên kim cương, khắc mã mới theo mã số của P-Lab, qua đó giúp số kim cương này được bán ra dưới dạng sản phẩm có kiểm định P-Lab nhằm trục lợi cho đường dây buôn lậu.

* **Chi tiết về hoạt động kinh doanh của P-Lab:** Ban Lãnh đạo cho biết P-Lab cung cấp dịch vụ kiểm định và cấp giấy chứng nhận kim cương cho nhiều đối tượng khách hàng, bao gồm các công ty kinh doanh kim cương và cá nhân có nhu cầu giám định kim cương độc lập. Khách hàng gửi kim cương đến P-Lab để đánh giá kỹ thuật và nhận được báo cáo phân loại cung cấp thông tin về các đặc điểm của viên kim cương nhằm hỗ trợ giao dịch và làm cơ sở tham khảo cho bên mua và bên bán. Ban Lãnh đạo nhấn mạnh P-Lab không thực hiện định giá, không xác định nguồn gốc kim cương, cũng như không chứng nhận quyền sở hữu hay lịch sử giao dịch của viên kim cương. Thay vào đó, vai trò của P-Lab chỉ giới hạn ở việc đánh giá và chứng nhận các đặc điểm kỹ thuật của viên kim cương, với dịch vụ được cung cấp cho mọi khách hàng có yêu cầu.

2. Nhận định của Ban Lãnh đạo

* PNJ đã có các thông báo chính thức sau sự việc và nhấn mạnh những điểm sau:

- Ngay khi nắm được sự việc, PNJ đã lập tức kích hoạt quy trình xử lý khủng hoảng và phát hành thông cáo báo chí chính thức. Công ty cho biết đang xử lý tình huống một cách minh bạch, nhất quán, và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng liên quan, đồng thời tuân thủ mọi quy định pháp luật hiện hành.

- Vụ việc liên quan đến nguyên Giám đốc P-Lab và các sai phạm bị cáo buộc thuộc trách nhiệm pháp lý cá nhân của người này, không phải của công ty.

- Công ty duy trì vị thế tài chính vững chắc, được hỗ trợ bởi nguồn lực tài chính lành mạnh và các mối quan hệ ngân hàng lâu năm, qua đó đảm bảo đủ nguồn lực để xử lý tình huống hiện tại.

- PNJ khẳng định chiến lược dài hạn đối với mảng kinh doanh kim cương không thay đổi. Công ty hạn chế kinh doanh các sản phẩm kim cương kích thước lớn mang tính chất tích lũy, trong khi hoạt động kinh doanh cốt lõi tiếp tục tập trung vào trang sức thời trang phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân.

- Toàn bộ kim cương do PNJ bán ra đều được thu mua qua hai kênh duy nhất: (1) kim cương nhập khẩu chính ngạch, hợp pháp và (2) kim cương mua lại từ khách hàng theo chương trình thu mua của công ty. Chủ tịch HĐQT – bà Cao Thị Ngọc Dung khẳng định kim cương của PNJ được nhập khẩu từ Thái Lan và Hồng Kông với đầy đủ chứng từ nhập khẩu. Bà cũng làm rõ rằng mối quan hệ giữa PNJ và P-Lab chỉ giới hạn ở các hợp đồng dịch vụ giám định, do vai trò của P-Lab là cấp chứng nhận chứ không phải kinh doanh kim cương. Trên cơ sở đó, Ban Lãnh đạo khẳng định không có viên nào trong khoảng 28.000 viên kim cương bị cáo buộc liên quan đến vụ buôn lậu được bán qua các kênh phân phối của PNJ.

- Hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty vẫn ổn định, và công ty tái khẳng định cam kết hoàn thành các mục tiêu doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2026 đã được thông qua tại ĐHCĐ vào tháng 4.

3. Tác động

*** Xu hướng khách hàng bán lại:** Ban Lãnh đạo cho biết lượng khách đến giao dịch liên quan đến kim cương tăng lên trong ngày 3/7 – ngày giao dịch đầu tiên sau khi sự việc xảy ra. Sau đó, lượng khách giảm xuống còn khoảng 50% so với mức ngày 3/7 vào ngày 4/7 và khoảng 30% vào ngày 5/7. Tính đến sáng ngày diễn ra buổi gặp gỡ nhà đầu tư (6/7), Ban Lãnh đạo cho biết lượng khách đã cơ bản trở lại bình thường. Theo Ban Lãnh đạo, khách hàng đến cửa hàng trong những ngày qua với nhiều mục đích khác nhau, bao gồm yêu cầu giám định kim cương, bán kim cương rời hoặc bán các sản phẩm kim cương hiện có để mua sản phẩm khác. PNJ cũng ghi nhận số lượng khách hàng lựa chọn bán lại sản phẩm kim cương và chuyển sang các sản phẩm khác trong danh mục ngày càng tăng.

*** Hàng tồn kho:** Ban Lãnh đạo thừa nhận hàng tồn kho kim cương đã tăng lên do lượng khách hàng bán lại cao hơn, nhưng cho biết mức tồn kho vẫn trong tầm kiểm soát. Công ty đã điều chỉnh kế hoạch tồn kho tương ứng và dự kiến sử dụng số kim cương thu mua lại cho các bộ sưu tập mới sẽ ra mắt trong nửa cuối năm 2026.

4. Kế hoạch khắc phục

*** Quản lý khủng hoảng:** Ban Lãnh đạo cho biết PNJ đã kích hoạt quy trình xử lý khủng hoảng ngay sau khi sự việc xảy ra. Công ty cũng chủ động thực hiện lắng nghe mạng xã hội để theo dõi tâm lý công chúng và phản hồi kịp thời các quan ngại của thị trường cũng như thắc mắc của khách hàng.

*** Quản trị doanh nghiệp:** Ban Lãnh đạo cho biết việc ứng phó của PNJ đang được dẫn dắt bởi các nhóm chuyên trách nội bộ, với sự hỗ trợ của các đơn vị tư vấn pháp lý và truyền thông độc lập. HĐQT của PNJ đã thực hiện rà soát toàn diện khung quản trị và tuân thủ của P-Lab, tập trung vào việc củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ. Một cơ chế giám sát chuyên trách mới gồm hai đại diện độc lập phụ trách quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ cũng đã được thiết lập, báo cáo trực tiếp lên HĐQT. Dựa trên kết quả rà soát, PNJ dự kiến tiếp tục củng cố khung quản trị của P-Lab theo các thông lệ tốt nhất.

*** Cơ cấu quản trị của P-Lab:** Ban Lãnh đạo nhấn mạnh Tổng Giám đốc P-Lab hoạt động độc lập với ban điều hành của PNJ nhằm đảm bảo tính khách quan và chuyên nghiệp trong công tác đánh giá kỹ thuật. Chủ tịch P-Lab tham vấn HĐQT của PNJ khi thiết lập các chỉ tiêu, trong khi việc đánh giá hiệu quả hoạt động tuân theo các chính sách quản trị của công ty mẹ.

*** Quản trị giao dịch với bên liên quan:** Về mối quan hệ gia đình giữa nguyên Giám đốc P-Lab – ông Đặng Ngọc Thảo và thành viên HĐQT PNJ – bà Đặng Thị Lài, Ban Lãnh đạo cho biết công ty duy trì sự tách bạch rõ ràng giữa các chức năng điều hành, kiểm soát và giám sát theo đúng khung quản trị doanh nghiệp.

*** Cân nhắc mua lại cổ phiếu:** Ban Lãnh đạo nhắc lại rằng cổ đông đã thông qua phương án mua lại cổ phiếu tại ĐHCĐ 2026, và công ty sẽ cân nhắc thực hiện khi cần thiết.

*** Hoạt động mua cổ phiếu của người nội bộ/ban lãnh đạo:** Ban Lãnh đạo cho biết nhân viên PNJ và các thành viên trong gia đình Chủ tịch HĐQT – bà Cao Thị Ngọc Dung đang cân nhắc mua vào cổ phiếu PNJ.

5. Các cập nhật khác:

*** Kết quả sơ bộ quý 2/2026:** Ban Lãnh đạo cho biết kết quả kinh doanh sơ bộ quý 2/2026 nhìn chung phù hợp với kế hoạch cả năm của công ty. Cả doanh thu và LNST đều đạt mức tăng trưởng hai chữ số so với cùng kỳ, tăng trưởng doanh số bán lẻ tiếp tục dương so với cùng kỳ, và biên lợi nhuận gộp phù hợp với kế hoạch của Ban Lãnh đạo.

*** Kế hoạch năm 2026 không đổi:** Ban Lãnh đạo tái khẳng định kế hoạch doanh thu và LNST năm 2026 đã được thông qua tại ĐHCĐ tháng 4, đồng thời cho biết sự việc vẫn trong tầm kiểm soát. Công ty cũng kỳ vọng nhu cầu trong nửa cuối năm 2026 sẽ được hỗ trợ bởi nhu cầu từ mùa cưới, các dịp lễ hội và hoạt động mua sắm cuối năm.

6. Quan điểm của chúng tôi

* Chúng tôi cho rằng sự việc có thể gây áp lực lên tâm lý nhà đầu tư trong ngắn hạn. Trong khi đó, hoạt động kinh doanh hiện vẫn trong tầm kiểm soát và các biện pháp quản trị doanh nghiệp đang được triển khai nhằm xử lý sự việc. Bên cạnh đó, hoạt động bán lại của khách hàng dường như đang cho thấy những dấu hiệu ban đầu về việc trở lại bình thường khi có thêm thông tin được công bố. Dựa trên các thông tin hiện có, cuộc điều tra liên quan đến các sai phạm bị cáo buộc của nguyên Giám đốc P-Lab, trong khi Ban Lãnh đạo khẳng định vụ việc thuộc trách nhiệm pháp lý cá nhân của người này chứ không phải hoạt động của công ty. Ban Lãnh đạo cũng nhấn mạnh rằng hoạt động kinh doanh vẫn diễn ra bình thường, các kênh nhập khẩu kim cương và chính sách thu mua của công ty không thay đổi, và kế hoạch năm 2026 vẫn được giữ nguyên. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt báo cáo trong ngày

GEX: Lợi nhuận cốt lõi của GEE/VGC tăng mạnh; tiếp tục mở rộng quỹ đất nhà ở - Cập nhật

Ngành	Đa ngành	(tỷ đồng)	2025	2026E	2027E	2028E
Ngày báo cáo	06/07/2026	TT Doanh thu	17,1%	26,5%	12,0%	12,2%
Giá hiện tại	30.400 VND	LNST-CĐTS	1.478	1.487	1.910	3.201
Giá mục tiêu	40.500 VND	LNST-CĐTS cốt lõi*	1.260	1.668	2.091	3.382
Giá mục tiêu gần nhất	37.300 VND	Biên LN gộp	21,3%	19,9%	21,6%	23,4%
TL tăng	33,3%	Biên LN ròng	3,7%	3,0%	3,4%	5,1%
Lợi suất cổ tức	1,6%	P/E	27,1x	26,9x	21,0x	12,5x
Tổng mức sinh lời	+34,9%	P/B	2,2x	2,1x	2,0x	1,8x
GT vốn hóa	39.450 nghìn tỷ đồng				GEX	VNI
Room KN	17 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)			24,0x	15,2x
GTGD/ngày (30n)	320,9 tỷ đồng	P/B (hiện tại)			2,1x	2,1x
Cổ phần Nhà nước	0%	ROA			2,0%	2,3%
SL cổ phiếu lưu hành	1.308 tr	ROE			8,4%	15,2%
Pha loãng	1.308 tr	Nợ ròng/VCSH			103,6%	N/A
(*) Không bao gồm các khoản mục một lần và lợi thế thương mại.						

* Chúng tôi điều chỉnh tăng 9% giá mục tiêu và duy trì khuyến nghị MUA đối với CTCP Tập đoàn GELEX (GEX).

* Mức định giá cao hơn của chúng tôi chủ yếu đến từ (1) mức tăng 18% đối với định giá mảng thiết bị điện (nhờ mức P/E mục tiêu cao hơn và mức tăng 13% đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS của GEE), (2) việc chúng tôi đưa dự án BĐS nhà ở tại Đồng Nai/sân bay Gia Bình vào mô hình định giá, cùng với (3) tác động tích cực từ việc chuyển thời gian định giá sang giữa năm 2027. Các yếu tố này bù đắp cho (4) mức giảm 34% đối với định giá dự án BĐS nhà ở tại Hải Phòng (do tỷ lệ sở hữu giảm), (5) mức giảm 40% đối với định giá VCW (do mức P/E mục tiêu thấp hơn và mức giảm đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026), và (6) mức tăng hơn 3 nghìn tỷ đồng của nợ ròng công ty mẹ (trang 6).

* Chúng tôi điều chỉnh giảm 6% tổng dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo của GEX trong giai đoạn 2026-2030, chủ yếu do (1) mức tăng hơn 5,8 lần của chi phí tại công ty mẹ (Holdco) (chủ yếu là chi phí lãi vay tài trợ cho dự án BĐS nhà ở và sân bay Gia Bình), và (2) mức giảm 35% đối với tổng LNST sau lợi ích CĐTS của VCW (do mức tăng của chi phí khấu hao từ Giai đoạn 2). Các yếu tố này lấn át (3) mức tăng 20% của tổng LNST sau lợi ích CĐTS của GEE (do LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi năm 2025 dự kiến cao hơn 10% so với kỳ vọng và doanh thu giai đoạn 2026-2030 dự kiến tăng), cùng với (4) mức tăng 9% đối với tổng LNST sau lợi ích CĐTS của VGC (do lợi nhuận gộp liên quan đến mảng KCN ghi nhận mức tăng 11%).

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CDTS báo cáo năm 2026 sẽ đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+1% YoY), nhờ mức tăng 32% YoY của LNST sau lợi ích CDTS cốt lõi (được thúc đẩy bởi đà tăng trưởng cốt lõi của VGC/VCW trong bối cảnh lợi nhuận cốt lõi của GEE đi ngang), qua đó góp phần bù đắp cho việc công ty dự kiến sẽ không còn ghi nhận khoản thu nhập một lần trong năm nay (trái với việc ghi nhận 789 tỷ đồng trong năm 2025).

* GEX hiện sở hữu mức định giá khá hấp dẫn với PEG đạt 0,7, phản ánh tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) EPS giai đoạn 2026-2029 dự kiến đạt 39% trong khi P/E dự phóng năm 2026 ở mức 26,9 lần. Mức P/E tương đối cao này chủ yếu xuất phát từ kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ trong các năm tới.

* **Yếu tố hỗ trợ:** Tích lũy thêm quỹ đất thông qua các dự án BT. **Rủi ro:** Thua lỗ từ danh mục đầu tư chứng khoán.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/ 30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	83%	53	0,0	9.960	25.500	156%	0,0%	156%	KQ	17/01/25	28,2	6,7	13,2	0,8
KDH	Bất động sản	25%	875	3,5	20.500	42.600	108%	0,0%	108%	MUA	11/05/26	23,2	15,3	18,2	1,2
DGC	Công nghiệp	44%	668	1,3	46.250	91.200	97%	6,5%	104%	MUA	02/03/26	6,2	5,9	13,2	1,1
TV2	Điện & Nước	8%	69	0,2	27.050	49.000	81%	3,7%	85%	MUA	22/04/26	30,7	10,8	11,7	1,4
NLG	Bất động sản	9%	470	2,1	25.450	45.800	80%	2,0%	82%	MUA	11/05/26	14,8	18,1	18,2	1,0
HDG	Điện & Nước	33%	288	1,1	18.600	32.900	77%	0,0%	77%	MUA	23/03/26	11,1	9,1	18,2	1,1
BMI	Bảo hiểm	23%	80	0,1	14.000	23.100	65%	3,6%	69%	MUA	12/04/24	9,3	5,6	11,9	0,7
PVT	Dầu khí	36%	375	2,0	19.050	30.800	62%	5,2%	67%	MUA	13/03/26	9,0	6,2	11,7	1,1
PNJ	Bán lẻ	1%	1.063	2,7	54.600	88.900	63%	3,7%	66%	MUA	12/05/26	10,6	8,4	8,7	1,9
PVS	Dầu khí	33%	708	3,2	36.400	60.000	65%	0,0%	65%	MUA	08/05/26	12,8	12,6	14,9	1,2
VGC	KCN	48%	726	0,6	42.600	66.800	57%	5,2%	62%	MUA	11/05/26	14,3	12,0	13,3	2,2
PLC	Dầu khí	49%	65	0,1	21.000	31.900	52%	4,8%	57%	MUA	12/09/25	125,0	6,7	13,2	1,4
HPG	VLXD	28%	7.418	16,2	23.100	35.400	53%	1,9%	55%	MUA	12/05/26	12,9	7,7	14,9	1,4
FRT	Bán lẻ	17%	790	3,0	116.200	180.100	55%	0,0%	55%	MUA	17/06/26	24,9	17,3	11,3	4,7
DCM	Phân bón	42%	696	3,1	34.550	51.000	48%	7,2%	55%	MUA	25/05/26	10,1	6,3	13,2	1,6
IDC	KCN	33%	577	1,9	40.000	58.000	45%	7,5%	53%	MUA	04/06/26	7,9	7,7	18,2	2,3
NVL	Bất động sản	44%	1.128	6,5	12.350	18.600	51%	0,0%	51%	MUA	18/06/26	15,3	20,0	18,2	0,6
CTG	Ngân hàng	5%	10.089	8,4	34.150	50.000	46%	0,0%	46%	MUA	15/05/26	8,8	7,5	12,7	1,4
HVN	Hàng không	22%	3.000	0,9	25.350	37.100	46%	0,0%	46%	KQ	22/07/25	10,8	9,1	22,4	7,7
HDC	Bất động sản	48%	128	0,8	14.700	21.400	46%	0,0%	46%	KQ	09/01/26	5,3	10,8	18,2	1,2
KBC	KCN	41%	1.024	4,4	28.600	40.400	41%	3,5%	45%	MUA	01/06/26	12,8	11,1	18,2	1,1
SIP	KCN	47%	458	0,7	49.750	69.800	40%	4,0%	44%	MUA	22/12/25	9,9	9,3	18,2	2,2
MBB	Ngân hàng	1%	7.751	11,4	25.300	36.000	42%	2,0%	44%	MUA	21/05/26	7,6	6,3	12,7	1,4
REE	Điện & Nước	0%	1.119	1,2	47.250	66.900	42%	2,1%	44%	MUA	22/04/26	11,6	10,2	11,7	1,4
MSN	Bán lẻ	76%	3.916	15,0	70.500	101.200	44%	0,0%	44%	MUA	21/05/25	24,8	24,0	11,7	2,8
DPG	Điện & Nước	31%	156	0,5	34.500	48.900	42%	1,7%	43%	MUA	11/06/26	10,6	11,1	13,3	1,4
ACG	Gỗ	12%	191	0,0	33.300	45.800	38%	5,1%	43%	MUA	15/07/25	10,5	8,3	14,9	1,1
PTB	Công nghiệp	9%	146	0,1	38.200	52.000	36%	5,5%	42%	KQ	06/10/25	5,1	6,6	14,9	1,1

NT2	Điện & Nước	38%	240	0,3	21.950	28.800	31%	9,1%	40%	MUA	28/05/26	5,9	7,0	11,8	1,3
VPB	Ngân hàng	6%	8.284	16,1	27.450	38.000	38%	1,8%	40%	MUA	18/05/26	9,1	7,0	12,7	1,3
DXG	Bất động sản	31%	574	4,3	11.900	16.400	38%	0,0%	38%	MUA	06/04/26	65,2	68,2	18,2	1,1
BVH	Bảo hiểm	22%	1.694	0,9	60.000	81.000	35%	1,8%	37%	MUA	11/06/26	16,0	12,0	11,9	1,8
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.300	1,3	47.150	59.000	25%	10,6%	36%	MUA	06/01/26	14,1	13,4	13,7	2,7
QTP	Điện & Nước	-1%	197	0,1	11.500	14.600	27%	8,7%	36%	MUA	10/12/25	5,1	7,8	11,8	0,9
MCH	Bán lẻ	85%	6.912	2,9	139.000	181.700	31%	4,3%	35%	PHTT	28/11/25	26,9	23,5	13,7	10,6
AST	DV Hàng không	3%	128	0,0	62.300	80.600	29%	5,6%	35%	MUA	26/08/25	11,2	10,9	11,3	4,9
SSI	Chứng khoán	69%	2.545	14,7	26.750	35.100	31%	3,7%	35%	MUA	08/12/25	16,4	14,7	17,3	1,7
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	52%	4.396	7,0	55.300	70.300	27%	7,2%	34%	MUA	24/04/25	12,3	13,2	13,7	3,5
TLG	Văn phòng phẩm	89%	180	0,2	49.000	61.900	26%	7,1%	33%	MUA	12/09/25	10,5	8,0	8,7	2,0
DPM	Phân bón	46%	579	2,4	22.400	28.000	25%	6,7%	32%	PHTT	25/05/26	17,1	9,4	13,2	1,3
GEX	Điện & Nước	43%	1.431	15,3	28.750	37.300	30%	1,2%	31%	MUA	30/12/25	24,5	27,5	11,7	2,0
MWG	Bán lẻ	0%	4.357	15,6	78.000	101.000	29%	1,3%	31%	MUA	14/10/25	16,2	13,7	11,3	3,2
TCB	Ngân hàng	1%	9.097	20,7	33.750	42.600	26%	4,1%	30%	MUA	11/05/26	9,5	8,2	12,7	1,4
GAS	Dầu khí	47%	6.792	3,4	74.000	93.600	26%	3,4%	30%	MUA	14/04/26	16,0	14,5	11,8	2,6
DXS	Bất động sản	43%	150	0,4	6.810	8.800	29%	0,0%	29%	KQ	11/06/26	11,6	10,0	18,2	0,6
VCB	Ngân hàng	10%	19.450	9,6	61.200	78.500	28%	0,0%	28%	MUA	18/05/26	15,8	13,2	12,7	2,2
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	81%	459	0,6	57.600	71.600	24%	3,5%	28%	MUA	26/01/26	9,5	7,3	13,7	1,2
PVD	Dầu khí	40%	667	6,4	31.550	40.300	28%	0,0%	28%	MUA	09/04/26	19,5	15,7	14,9	1,0
VRE	Bất động sản	37%	2.394	5,8	27.700	34.200	23%	3,6%	27%	PHTT	29/05/26	9,8	11,4	18,2	1,3
GMD	GTVT	8%	1.252	4,0	77.200	95.500	24%	3,2%	27%	MUA	25/05/26	20,9	13,7	11,7	2,4
FPT	CNTT	21%	4.760	25,5	73.000	90.300	24%	3,2%	27%	MUA	08/06/26	14,0	12,3	18,5	3,2
ACB	Ngân hàng	5%	4.901	21,1	22.200	27.100	22%	3,2%	25%	MUA	21/05/26	7,4	6,4	12,7	1,3
F88	Tài chính TT	42%	660	0,7	78.700	98.000	25%	0,0%	25%	MUA	25/06/26	24,1	14,8	#N/A	7,1
DHC	Công nghiệp	15%	135	0,3	33.350	40.100	20%	3,9%	24%	MUA	16/12/25	8,2	8,0	14,9	1,5
PPC	Điện & Nước	45%	114	0,0	9.310	11.000	18%	5,4%	24%	KQ	10/12/25	18,3	9,2	11,8	0,7
HDB	Ngân hàng	6%	5.178	12,1	27.200	33.000	21%	1,8%	23%	MUA	06/03/26	7,6	6,5	12,7	1,7
BID	Ngân hàng	12%	11.450	6,3	41.350	50.500	22%	0,0%	22%	MUA	21/05/26	10,9	10,1	12,7	1,6
SZC	KCN	19%	144	0,3	21.100	24.700	17%	4,7%	22%	KQ	01/07/26	12,0	29,0	18,2	1,2

POW	Điện & Nước	45%	1.727	6,5	14.800	18.000	22%	0,0%	22%	MUA	29/05/26	19,0	15,8	11,8	1,2
PLX	Xăng dầu	6%	1.696	3,7	35.100	41.100	17%	3,4%	21%	MUA	13/10/25	18,2	15,2	14,9	1,8
BMP	VLXD	18%	464	0,8	149.000	163.000	9%	10,4%	20%	MUA	17/06/26	10,0	9,5	13,3	3,8
DGW	Bán lẻ	26%	328	1,1	39.000	45.400	16%	2,6%	19%	KQ	18/06/26	15,7	13,4	11,3	2,4
TPB	Ngân hàng	7%	1.709	10,0	16.200	18.600	15%	3,1%	18%	MUA	20/05/26	6,1	5,8	12,7	1,0
BSR	Lọc hóa dầu	48%	4.476	8,0	23.500	27.000	15%	3,0%	18%	PHTT	18/03/26	22,7	7,2	14,9	1,7
CTR	CNTT	45%	365	1,0	83.900	96.800	15%	1,8%	17%	KQ	14/04/26	16,0	13,7	13,3	4,3
BWE	Điện & Nước	47%	378	0,3	45.200	51.600	14%	2,9%	17%	MUA	13/05/26	11,7	12,5	11,8	1,6
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	691	0,2	49.100	53.400	9%	8,1%	17%	KQ	30/08/24	9,4	7,0	13,7	1,7
SCS	DV Hàng không	21%	179	0,2	49.050	51.200	4%	11,2%	16%	PHTT	13/01/26	6,2	6,7	22,4	2,8
PHR	Công nghiệp	37%	324	1,0	62.900	71.300	13%	2,1%	15%	MUA	25/03/26	19,8	9,1	13,2	2,0
VIB	Ngân hàng	1%	2.085	7,3	16.100	18.500	15%	0,0%	15%	KQ	23/05/25	7,5	6,2	12,7	1,1
VTP	GTVT	45%	414	0,8	63.200	71.800	14%	0,0%	14%	PHTT	25/05/26	26,4	31,5	11,7	6,2
ACV	Hàng không	47%	5.905	0,9	43.200	48.000	11%	0,0%	11%	PHTT	18/05/26	13,8	13,7	11,7	2,1
NKG	VLXD	46%	227	0,7	12.100	13.100	8%	0,0%	8%	PHTT	18/04/25	27,5	9,4	14,9	0,8
STB	Ngân hàng	19%	5.077	16,2	70.800	73.500	4%	0,0%	4%	PHTT	18/05/26	24,8	22,3	12,7	2,2
VHM	Bất động sản	42%	24.075	29,5	154.100	153.700	0%	3,9%	4%	PHTT	29/05/26	15,1	11,5	18,2	2,4
TDM	Điện & Nước	49%	255	0,5	60.400	60.600	0%	2,2%	2%	KQ	13/05/26	34,7	33,6	11,8	2,5
VEA	Ô-tô	48%	1.770	0,3	35.100	30.800	-12%	13,7%	1%	PHTT	28/10/25	6,4	6,6	11,7	1,6
OIL	Dầu khí	6%	503	0,7	12.700	12.700	0%	0,8%	1%	KQ	17/10/25	31,0	28,0	14,9	1,2
GVR	Công nghiệp	12%	4.716	2,9	31.000	30.500	-2%	1,3%	0%	KQ	31/12/25	23,3	20,3	13,2	2,1
HSG	VLXD	46%	352	1,1	11.450	10.400	-9%	4,4%	-5%	PHTT	18/04/25	14,8	15,8	14,9	0,8
VJC	Hàng không	24%	4.113	18,6	140.600	114.000	-19%	0,0%	-19%	KQ	15/03/24	39,2	15,7	22,4	4,2
LPB	Ngân hàng	4%	5.829	23,6	51.300	39.300	-23%	1,9%	-21%	KKQ	18/11/25	13,5	14,2	12,7	3,1
VIC	Bất động sản	45%	64.571	65,5	220.300	110.000	-50%	0,0%	-50%	BÁN	12/06/26	145,0	62,4	18,2	11,5

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	54	138.127	2.558	20	14,4	11,4	9,6	15,2	1,7	21,3	16,5	12,2	1,9	3,3%
KHẢ QUAN	15	16.792	1.119	3	14,4	15,4	11,9	16,6	2,2	21,7	17,9	14,6	2,2	2,2%
PHÙ HỢP TT	12	52.359	4.363	2	18,9	15,8	12,2	17,0	2,3	25,3	17,6	14,1	2,8	4,2%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.829	5.829	0	16,6	13,5	14,2	10,4	3,1	16,6	13,5	14,2	3,1	1,9%
BÁN	1	64.571	64.571	1	137,7	145,0	62,4	72,4	11,5	137,7	145,0	62,4	11,5	0,0%
TỔNG CỘNG	83	277.677	3.346	26	19,4	15,9	12,9	17,0	2,3	23,2	18,3	13,5	2,2	3,1%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	90.900	7.575	11	11,9	10,2	8,8	12,8	1,6	11,5	10,7	9,5	1,6	1,5%
Bảo hiểm	2	1.774	887	1	20,4	15,5	11,4	21,2	1,6	15,6	12,7	8,8	1,2	2,7%
Chứng khoán	1	2.545	2.545	1	21,4	16,4	14,7	21,5	1,7	21,4	16,4	14,7	1,7	3,7%
Tài chính thay thế	1	660	660	0	49,3	24,1	14,8	30,0	7,1	49,3	24,1	14,8	7,1	0,0%
Tiêu dùng	13	27.528	2.118	4	17,7	15,3	14,1	19,8	3,3	21,6	15,2	13,0	3,3	4,9%
CNTT	1	4.760	4.760	1	17,1	14,0	12,3	17,4	3,2	17,1	14,0	12,3	3,2	3,2%
Bất động sản	9	94.365	10.485	2	60,0	38,2	26,9	26,2	4,4	38,0	33,9	25,3	2,3	1,1%
Vật liệu	4	8.460	2.115	1	16,3	12,9	8,0	19,0	1,4	14,2	16,3	10,6	1,7	4,2%
Điện & Nước	12	6.296	525	1	21,9	14,0	13,3	17,3	1,4	27,1	16,0	13,5	1,4	3,1%
Dầu khí	10	16.556	1.656	2	23,6	17,1	10,6	21,4	1,8	34,0	28,1	12,2	1,5	3,5%
Công nghiệp	5	1.193	239	0	7,7	6,9	6,5	12,0	1,1	12,1	11,6	7,1	1,1	4,2%
Khu công nghiệp	7	7.972	1.139	1	22,6	16,6	14,5	19,2	1,9	22,8	14,3	14,1	1,9	4,0%
GTVT & Logistics	7	14.990	2.141	1	14,5	16,2	12,9	18,0	3,1	18,2	18,4	14,5	4,3	2,9%
TỔNG CỘNG	84	277.999	3.310	26	19,4	15,9	12,9	17,0	2,3	23,2	18,3	13,5	2,2	3,1%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap
Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap
*FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q1 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS Q1 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	17%	14%	MUA	MUA	Nền tảng vững chắc, chuyển đổi đóng vai trò then chốt cho đà tăng trưởng dài hạn
BID	13%	8%	MUA	KQ	Tăng trưởng tín dụng quý 1/2026 tương đối tốt nhưng NIM gây thất vọng
CTG	65%	17%	MUA	MUA	NIM tiếp tục hồi phục tốt; chất lượng tài sản được duy trì vững chắc
HDB	19%	17%	KQ		ROE cao nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh và tối ưu quản trị chi phí; áp lực hiện hữu lên NIM
LPB	-10%	-4%	KKQ		Khởi đầu năm tương đối chậm với kết quả NIM và chất lượng tài sản thấp hơn kỳ vọng
MBB	14%	20%	MUA	MUA	Khả năng sinh lời cao với tiềm năng tái định giá
STB	-43%	11%	KQ	PHTT	Quá trình làm sạch bảng cân đối kế toán tiếp tục gây áp lực lên lợi nhuận quý 1/2026; áp lực dự phòng hạ nhiệt theo quý nhưng vẫn tăng mạnh YoY
TCB	12%	15%	MUA	MUA	Năng lực triển khai hiệu quả các trụ cột kinh doanh chính sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng lợi nhuận bất chấp các yếu tố vĩ mô bất lợi
TPB	0%	5%	MUA	MUA	Kết quả quý 1/2026 đạt kỳ vọng với tăng trưởng tín dụng khả quan nhưng NIM giảm, chất lượng tài sản suy yếu
VCB	10%	19%	MUA	MUA	Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ với NIM tiếp tục phục hồi
VIB	16%	22%	KQ		NIM tiếp tục giảm; thu nhập ngoài lãi thúc đẩy lợi nhuận
VPB	59%	29%	MUA	MUA	Chính sách hỗ trợ và nền tảng vốn vững chắc giúp thúc đẩy triển vọng đầu tư
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	-12%	68%	MUA		
BVH	17%	33%	KQ	MUA	Bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng vượt trội; thu nhập tài chính vững mạnh, mức dự phòng kỹ thuật thấp hỗ trợ khả năng sinh lời
SSI	52%	-7%	MUA		Lợi nhuận quý 1/2026 phù hợp với kỳ vọng nhờ doanh thu môi giới và cho vay kỳ quỹ cải thiện
F88	125%	62%	KQ	MUA	ROE dự kiến đạt đỉnh mới trong năm 2026 nhờ hoạt động giải ngân mạnh mẽ
Tiêu dùng					
CTR	23%	17%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 23% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu mạnh từ mảng xây dựng
DGW	88%	17%	PHTT	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2026 tăng trưởng mạnh 89% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu ở tất cả các mảng
FPT	14%	14%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo
FRT	71%	44%	MUA	MUA	Long Châu duy trì tăng trưởng vững chắc; FPT Shop tiếp tục ghi nhận lãi ròng
MSN (2)	101%	42%	MUA		Lợi nhuận tăng mạnh nhờ tăng trưởng toàn diện của mảng tiêu dùng - bán lẻ và giá khoáng sản lập đỉnh lịch sử

MCH	12%	15%	PHTT		Retail Supreme, chiến lược đổi mới và các ngành hàng phụ trợ thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng hai chữ số
MWG	76%	18%	MUA		LNST quý 1 tăng 80% YoY, doanh thu DMX tăng mạnh 33% YoY, biên lợi nhuận ròng BHX đạt 2.9%
PNJ	117%	26%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh 117% YoY; doanh thu bán lẻ tăng 22% YoY trong quý 1/2026
QNS	0%	33%	KQ		Triển vọng mảng sửa chữa vật khả quan bù đắp cho chu kỳ giảm của ngành đường
SAB	51%	5%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS phục hồi 49% YoY sau năm 2025 đầy biến động
TLG	19%	20%	MUA		Kế hoạch năm 2026 thận trọng dù KQKD quý 1 tích cực
VEA	38%	-1%	PHTT		Lợi nhuận quý 1 tăng mạnh 38% YoY, phù hợp với kỳ vọng
VHC	38%	25%	MUA		Giá bán trung bình (ASP) xuất khẩu tăng giúp cải thiện biên lợi nhuận, nhưng lợi nhuận vẫn thấp hơn so với dự báo
VNM	25%	6%	MUA		Năng lực cạnh tranh mạnh, triển vọng tăng trưởng một chữ số trong năm 2026
GTVT & Logistics					
ACV	-5%	3%	PHTT		Chất lượng lợi nhuận duy trì ổn định dù có sự thay đổi cơ cấu; Lợi nhuận mảng an ninh được tái phân loại thành khoản mục riêng
AST	85%	6%	MUA		KQKD quý 1 tích cực; đà tăng trưởng khách quốc tế và kế hoạch mở rộng góp phần hỗ trợ tiềm năng tăng đối với dự báo
GMD (2)	32%	30%	MUA	MUA	Kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ trong năm 2026, định giá vẫn hấp dẫn
HVN	-8%	19%	PHTT		Lợi nhuận quý 1 vượt kỳ vọng nhờ đòn bẩy kinh doanh mạnh mẽ; biên lợi nhuận bình thường hóa đáng kể QoQ, rủi ro giá nhiên liệu đang được đánh giá
SCS	2%	-6%	PHTT		KQKD quý 1 khiêm tốn do tác động từ căng thẳng Trung Đông trong tháng 3
VJC	58%	N.A	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS tăng 58% YoY; mảng vận tải quốc tế dẫn dắt đà tăng trưởng
VTP	-30%	-16%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTS giảm 44% YoY do giá nhiên liệu tăng mạnh và chi phí SG&A cao
Bất động sản					
DXG	-37%	-4%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 giảm so với cùng kỳ khi lợi ích cổ đông thiểu số tăng cao và biên lợi nhuận giảm
DXS	374%	15%	KQ	KQ	Khối lượng giao dịch ổn định dự kiến sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng của lợi nhuận
HDC	277%	-51%	KQ		KQKD quý 1 tăng mạnh so với cùng kỳ từ mức nền thấp nhờ hoạt động bàn giao BĐS cải thiện
NVL	N.M.	-23%	MUA	MUA	Dự án Aqua City dự kiến dẫn dắt đà phục hồi mạnh mẽ của doanh số bán bất động sản
KDH	130%	52%	MUA	MUA	Định giá hấp dẫn, lợi nhuận bước vào chu kỳ tăng trưởng
NLG	-51%	-18%	MUA	MUA	Doanh số bán BĐS tăng tốc thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi
VHM	850%	31%	KQ	PHTT	Hoạt động bán lẻ lớn sẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng năm 2026
VIC	2%	132%	BÁN	BÁN	Doanh số bán BĐS và sản lượng bàn giao xe điện mạnh mẽ; Chủ tịch duy trì hỗ trợ; đòn bẩy tài chính dự kiến giảm nhờ tách mảng sản xuất VinFast

VRE	36%	-14%	KQ	PHTT	Hoạt động cho thuê bán lẻ ổn định sẽ hỗ trợ đa tăng trưởng của lợi nhuận cốt lõi trong năm 2026
Khu công nghiệp					
GVR	90%	15%	KQ		Lợi nhuận quý 1/2026 khả quan nhờ mảng cao su và thu nhập khác ròng cao hơn; vượt kỳ vọng của chúng tôi
IDC	-21%	3%	MUA	MUA	Quỹ đất lớn và các dự án sắp mở bán sẽ thúc đẩy đa tăng trưởng của lợi nhuận
KBC	-77%	15%	MUA	MUA	Doanh số bàn giao đất KCN duy trì tốt giúp hỗ trợ tăng trưởng 2026/27
PHR	192%	118%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2026 gấp ba lần YoY nhờ ghi nhận tiền đền bù tăng, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
SIP	-5%	6%	MUA		Lợi nhuận quý 1 giảm nhẹ so với cùng kỳ do thu nhập tài chính thấp hơn; phù hợp với kỳ vọng
SZC	-88%	-59%	KQ	KQ	Doanh số cho thuê đất hồi phục, phương thức ghi nhận trở lại bình thường hỗ trợ lợi nhuận 2027
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG (2)	32%	26%	MUA		Doanh thu quý 1/2026 vượt kỳ vọng nhờ doanh số trong nước khả quan; lợi nhuận cốt lõi phù hợp với dự báo
BMP	6%	5%	MUA	MUA	Lợi nhuận năm 2026 tiếp tục duy trì ở mức cao, cổ tức tiền mặt cao, định giá hấp dẫn
DGC	-50%	23%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 giảm 49% YoY; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
DHC	53%	3%	MUA		Triển vọng nửa đầu năm khả quan nhờ giá giấy thuận lợi và OCC giá thấp; lạm phát chi phí là rủi ro chính trong nửa cuối năm
HPG	169%	68%	MUA	MUA	Lợi nhuận năm 2026 dự kiến tăng mạnh nhờ việc ghi nhận khoản lãi một lần và KQKD tích cực của mảng thép
HSG (1)	-42%	-5%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi và biên lợi nhuận quý 2 phục hồi nhờ giá thép tăng do căng thẳng Trung Đông, nhưng vẫn thấp hơn so với dự báo
NKG	-66%	202%	PHTT		KQKD quý 1 yếu khi lợi nhuận từ HĐKD tiếp tục ghi nhận lỗ; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
PTB	10%	-19%	KQ		KQKD mảng gỗ và BĐS vượt kỳ vọng; tiềm năng tăng đối với dự báo năm 2026
STK	-167%	231%	KQ		Lỗ ròng trong quý 1 do sản lượng yếu và áp lực chi phí từ Unitex; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
Điện & Nước					
BWE (2)	20%	-8%	MUA	MUA	KQKD mảng nước khả quan nhưng vẫn có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo
GEX	5%	1%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi tăng mạnh nhờ mảng thiết bị điện và VLXD, tuy nhiên bị ảnh hưởng bởi mức chi phí tài chính cao
HDG	-68%	22%	KQ		Khoản dự phòng cho dự án Infra 1 lần át việc ghi nhận doanh thu tại Charm Villas, rủi ro giảm đối với dự báo
NT2	395%	-16%	MUA	MUA	LNST dự kiến tăng khoảng 5 lần YoY từ nền thấp của quý 1/2025; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ
PC1	227%	N/A	N/A		LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo tăng gấp 3.3 lần YoY nhờ hoạt động bán BĐS và khoản thu từ việc thoái vốn
POW	170%	20%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1/2026 tăng gần gấp 3 lần YoY, tương đương ~50% dự báo cả năm của chúng tôi với tiềm năng tăng

PPC	83%	99%	KQ		LNST cốt lõi quý 1 yếu cho thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với năm 2026
QTP	14%	-35%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng 14% YoY nhờ chênh lệch giá cải thiện và chi phí khấu hao giảm
REE	17%	17%	MUA		Lợi nhuận tăng trưởng trên tất cả các mảng, nhìn chung phù hợp kỳ vọng
TDM (2)	-61%	-7%	KQ	KQ	LNST từ hoạt động sản xuất nước trong quý 1 năm 2026 đạt 17% dự báo cả năm, có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận.
TV2	91%	184%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng gần gấp đôi YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng củng cố triển vọng doanh thu EPC cao trong năm 2026
DPG	7%	-4%	MUA	MUA	Doanh số bán BĐS thấp hơn kỳ vọng, rủi ro giảm đối với dự báo lợi nhuận
VGC	-33%	12%	MUA		Doanh số cho thuê KCN tích cực củng cố tiềm năng tăng đối với dự báo
Dầu khí					
BSR	1970%	215%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng mạnh nhờ đà tăng trưởng của sản lượng và mức crack spread tích cực; KQKD vượt kỳ vọng của chúng tôi
DCM (2)	91%	61%	MUA	MUA	Tồn kho cao cuối Q1 hỗ trợ KQKD Q2; có tiềm năng tăng nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS
DPM	96%	82%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng gấp đôi YoY trong quý 1, kỳ vọng kết quả mạnh mẽ hơn trong quý 2
GAS	7%	10%	MUA		Lợi nhuận quý 1 ghi nhận tăng trưởng nhờ sự gia tăng của sản lượng, phù hợp với dự báo
OIL (2)	1958%	39%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1 tăng mạnh nhờ lợi nhuận từ hàng tồn kho và đà tăng trưởng sản lượng tích cực; kết quả vượt kỳ vọng
PLX (2)	-754%	19%	MUA		Giá sản phẩm xăng dầu điều chỉnh giảm mạnh, kích hoạt trích lập dự phòng hàng tồn kho, dẫn đến khoản lỗ trong quý 1/2026
PLC	-68%	834%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 bị kéo giảm bởi mảng hóa chất bất chấp mức tăng trưởng tích cực của mảng nhựa đường và dầu nhờn; KQKD nhìn chung thấp hơn dự báo của chúng tôi
PVD (2)	277%	55%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1 tăng gấp 3.7 lần YoY nhờ KQKD tích cực của mảng khoan và dịch vụ giếng khoan; phù hợp với kỳ vọng
PVS (2)	33%	7%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1 tăng 33% YoY nhờ mức tăng mạnh của biên lợi nhuận gộp mảng M&C; phù hợp kỳ vọng
PVT (2)	32%	49%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng 48% YoY nhờ giá cước vận tải dầu tăng, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.843,5	-18,6
VN 30	1.991,1	-11,5
VN Mid	2.069,9	-50,8
VNSmall	1.325,3	-15,7

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	296,5	-11,1
HNX30	507,7	-12,1
VNX Allshare	2.970,6	-28,8

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	127,8	-0,2

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	4.183,5	18,6%
Khối ngoại mua	1.517,6	6,7%
Khối ngoại bán	4.311,7	19,2%
Tổng giao dịch	22.497,7	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	60,8	4,7%
Khối ngoại mua	39,9	3,1%
Khối ngoại bán	65,8	5,0%
Tổng giao dịch	1.307,1	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	132,1	26,9%
Khối ngoại mua	4,7	1,0%
Khối ngoại bán	14,6	3,0%
Tổng giao dịch	490,5	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
HPX	290	6,9%
CTF	900	5,5%
TDP	900	3,2%
TDM	1.400	2,4%
VHM	2.500	1,7%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
SHN	200	2,9%
IVS	200	2,9%
BVS	600	1,9%
C69	200	1,0%
DNP	0	0,0%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
MKP	1.000	3,5%
VIW	505	1,9%
SBS	98	1,9%
PAT	938	1,5%
HNG	77	1,1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
HDG	-1.400	-7,0%
PNJ	-4.100	-7,0%
PC1	-1.450	-6,6%
VSC	-1.100	-5,9%
GEE	-5.200	-5,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
THD	-14.700	-10,0%
TVC	-700	-6,9%
VFS	-500	-4,5%
PVS	-1.700	-4,5%
NRC	-300	-4,3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TIN	-6.509	-5,9%
DDV	-692	-3,1%
OIL	-314	-2,4%
MSR	-940	-2,4%
TVN	-272	-2,4%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VIC	3.085
VHM	1.115
SHB	1.070
VIX	895
FPT	873

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	308
MBS	240
PVS	154
CEO	89
BVS	72

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSR	55
NTW	43
ACV	35
VGI	34
ABB	33

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
CDC	1.559.512	119.635
SJS	2.475.008	254.196
HPX	3.423.446	522.504
BKG	1.338.088	220.023
DPG	1.914.740	334.624
HDG	7.080.526	1.355.615
NTL	785.033	157.395
CSV	865.061	215.257
SCR	5.103.104	1.285.422
FIR	617.004	177.337

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
BVS	2.239.101	470.163
VIG	260.952	80.748
TTH	399.906	133.358
EVS	670.041	237.311
AMV	817.851	324.945
TVC	2.005.904	819.462
MBS	11.426.936	4.832.577
APS	1.106.241	492.419
PSI	582.521	264.036
PLC	211.893	100.019

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
CVN	2.065.147	313.634
QNS	508.742	95.371
SBS	2.937.507	634.843
DDG	4.196.540	1.132.589
KVC	802.304	292.779
HHG	428.513	189.938
AAS	2.399.776	1.176.544
VGT	707.681	362.905
ABW	511.431	319.133
PHP	184.352	115.844

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.750,1		13,7	2,1	17,4
TCX	4.589,4	90,6	19,8	2,7	14,4
VCK	3.101,9	96,3	18,7	2,7	19,1
SSI	2.544,2	68,6	12,4	1,7	13,9
VPX	1.996,4	95,8	12,4	1,5	14,0
VIX	1.518,8	92,5	5,4	1,9	25,6

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	562,7		11,5	1,5	13,3
BVH	1.693,7	21,8	15,1	1,8	12,1
PVI	650,3	43,1	12,9	2,0	15,4
BIC	176,0	7,4	9,8	1,4	14,9
VNR	151,8	22,8	8,5	1,0	11,6
MIG	141,6	83,5	11,4	1,4	12,4

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.764,3		18,4	3,5	22,6
ACV	5.903,2	47,2	14,5	2,1	15,7
MVN	2.696,1	0,0	30,2	4,8	16,9
GEE	2.021,6	49,0	15,7	6,9	45,2
VEA	1.770,1	47,6	6,1	1,6	26,3
GEX	1.430,5	42,7	25,3	2,0	8,8

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.716,6		15,8	4,3	27,3
MCH	6.910,6	84,5	26,0	10,6	40,3
VNM	4.395,0	51,6	11,3	3,5	31,7
MSN	3.915,1	75,6	21,6	2,8	14,4
SAB	2.299,6	41,3	12,6	2,7	22,0
PNJ	1.062,5	0,8	7,7	1,9	28,0

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.609,7		14,6	1,4	11,5
BSR	4.474,7	47,9	9,0	1,7	21,5
PLX	1.695,9	6,0	25,1	1,8	7,0
PVS	707,9	33,1	9,6	1,2	13,1
PVD	666,9	40,2	14,8	1,0	7,1
OIL	502,9	6,4	14,3	1,2	8,6

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.278,1		13,1	2,1	17,0
GAS	6.790,1	47,0	15,4	2,6	17,3
POW	1.726,6	45,2	13,2	1,2	9,2
REE	1.119,2	0,0	11,2	1,4	12,8
PGV	967,7	50,0	5,8	1,4	26,2
DNH	787,1	0,0	19,7	3,9	19,3

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	19.132,2		37,2	4,3	26,9
VIC	64.556,4	44,8	146,3	11,5	8,0
VHM	24.069,4	42,5	9,8	2,4	27,8
KSF	2.662,0	50,0	5,5	4,0	68,2
VRE	2.393,6	37,0	9,2	1,3	14,6
BCM	1.979,7	33,2	15,3	2,4	15,6

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.671,2		9,6	1,6	17,6
VCB	19.445,8	9,8	14,2	2,2	16,1
BID	11.447,3	12,4	9,4	1,6	18,4
CTG	10.086,4	5,3	7,0	1,4	21,9
TCB	9.094,6	0,9	9,2	1,4	15,6
VPB	8.281,8	6,1	8,3	1,3	16,4

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.583,5		29,4	4,7	49,8
VPL	5.660,1	47,1	59,2	3,9	6,9
MWG	4.355,5	0,0	14,1	3,2	25,4
VJC	4.112,0	23,7	42,8	4,2	10,1
HVN	2.999,4	21,7	8,4	7,7	181,3
FRT	790,1	17,4	22,7	4,7	25,1

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.716,6		15,8	4,3	27,3
HPG	6.910,6	27,6	26,0	10,6	40,3
GVR	4.395,0	12,4	11,3	3,5	31,7
MSR	3.915,1	99,9	21,6	2,8	14,4
KSV	2.299,6	0,0	12,6	2,7	22,0
DCM	1.062,5	42,0	7,7	1,9	28,0

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.609,7		14,6	1,4	11,5
DHG	4.474,7	46,0	9,0	1,7	21,5
IMP	1.695,9	5,3	25,1	1,8	7,0
DHT	707,9	9,3	9,6	1,2	13,1
DBD	666,9	83,4	14,8	1,0	7,1
DVN	502,9	0,0	14,3	1,2	8,6

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.278,1		13,1	2,1	17,0
FPT	6.790,1	21,3	15,4	2,6	17,3
CMG	1.726,6	13,5	13,2	1,2	9,2
SAM	1.119,2	48,5	11,2	1,4	12,8
SGT	967,7	-5,5	5,8	1,4	26,2
ELC	787,1	46,7	19,7	3,9	19,3

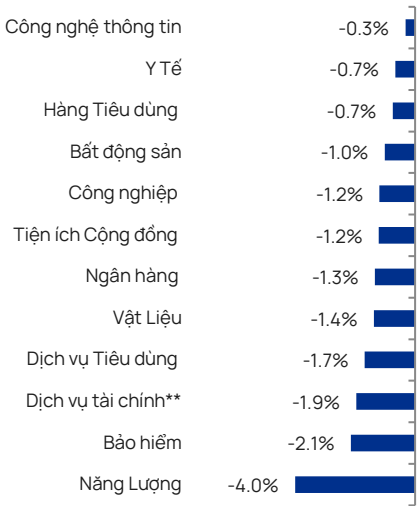
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

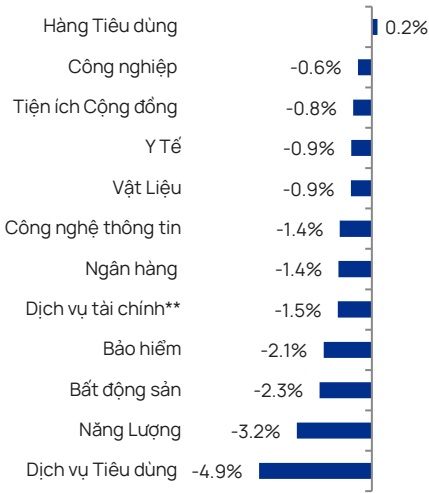
** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

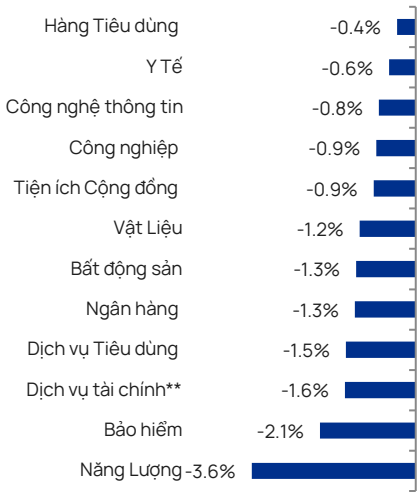
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



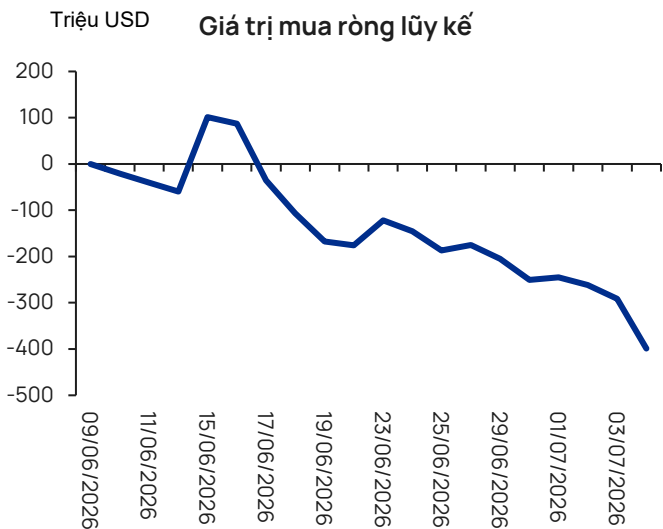
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



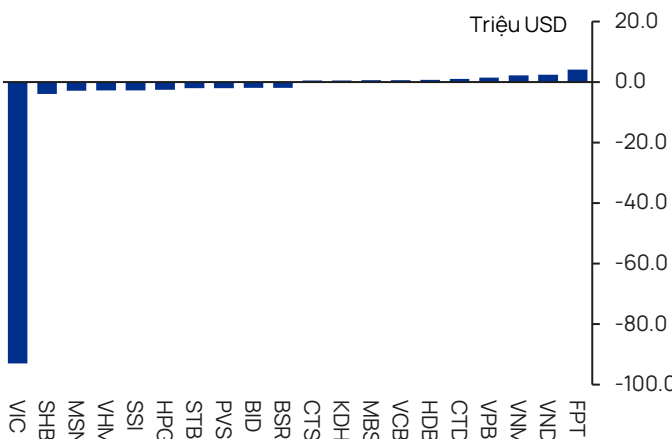
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



Nguồn: HSX, HNX, Fiiipro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.995,0	-14,0	-0,7%	-7,6
VN30F2M	1.991,0	-19,5	-1,0%	-11,6
VN30F1Q	1.995,9	-14,7	-0,7%	-6,7
VN30F2Q	1.986,1	-19,4	-1,0%	-16,5
VN100F1M	1.912,7	-25,8	-1,3%	-19,6
VN100F2M	1.911,9	-25,6	-1,3%	-20,4
VN100F1Q	1.911,9	-23,6	-1,2%	-20,4
VN100F2Q	1.908,0	-24,2	-1,3%	-24,3

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	30.699	12,3%	143,08	-3,0%
VN30F2M	1.120	3,6%	0,28	-19,9%
VN30F1Q	628	0,8%	0,03	-75,0%
VN30F2Q	897	-4,5%	0,09	-8,1%
VN100F1M	26	-10,3%	0,03	60,0%
VN100F2M	4	0,0%	0,00	300,0%
VN100F1Q	14	0,0%	0,01	75,0%
VN100F2Q	10	42,9%	0,04	0,0%

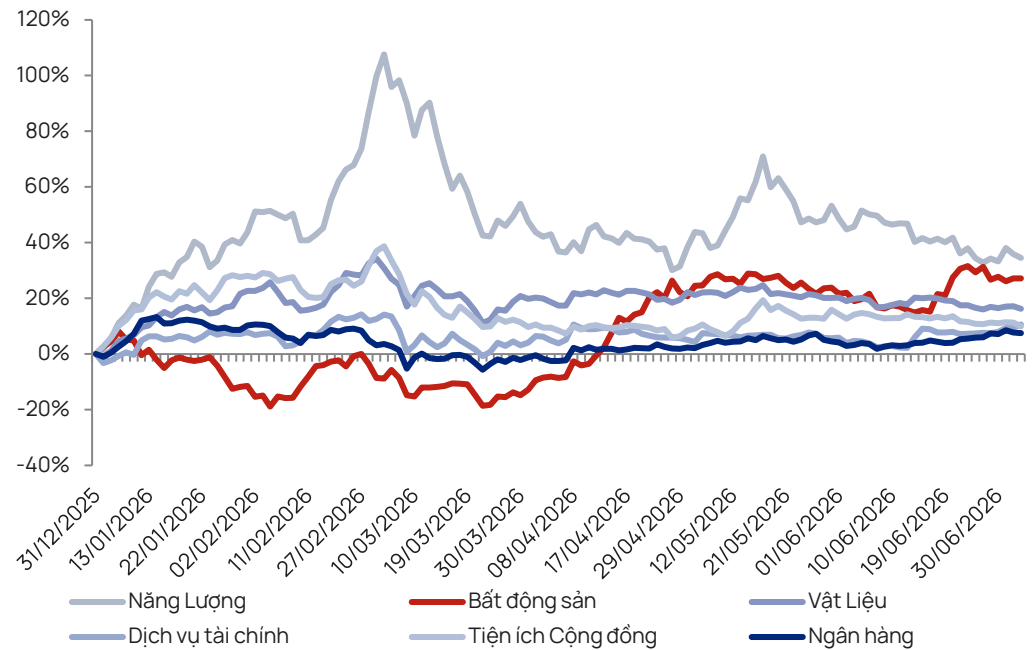


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

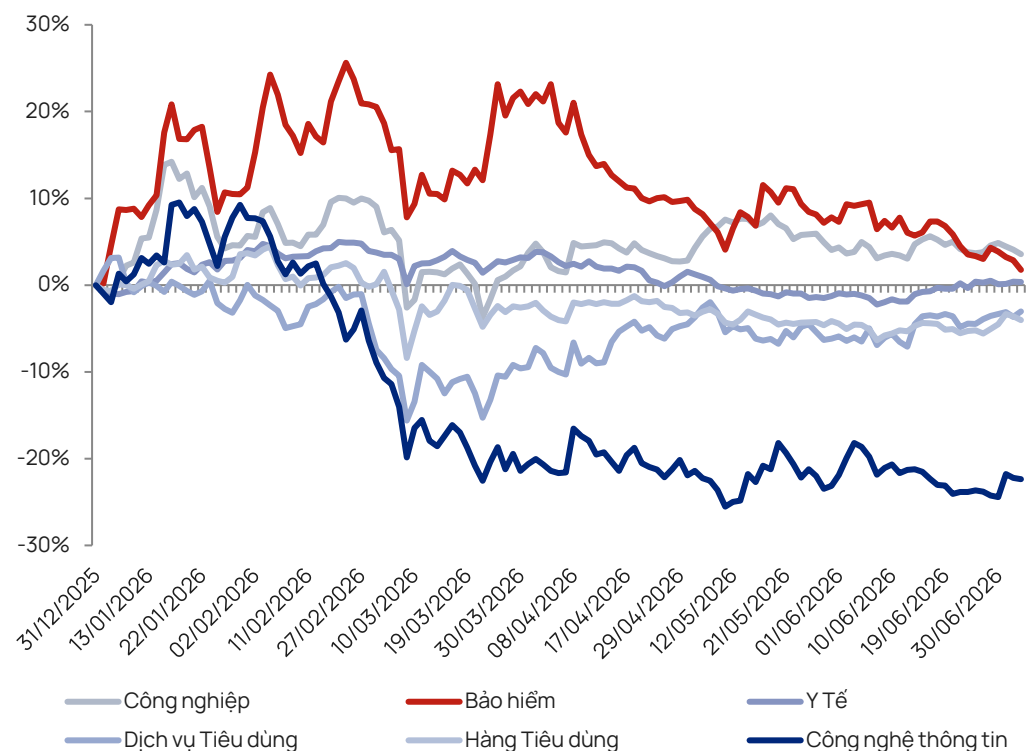
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



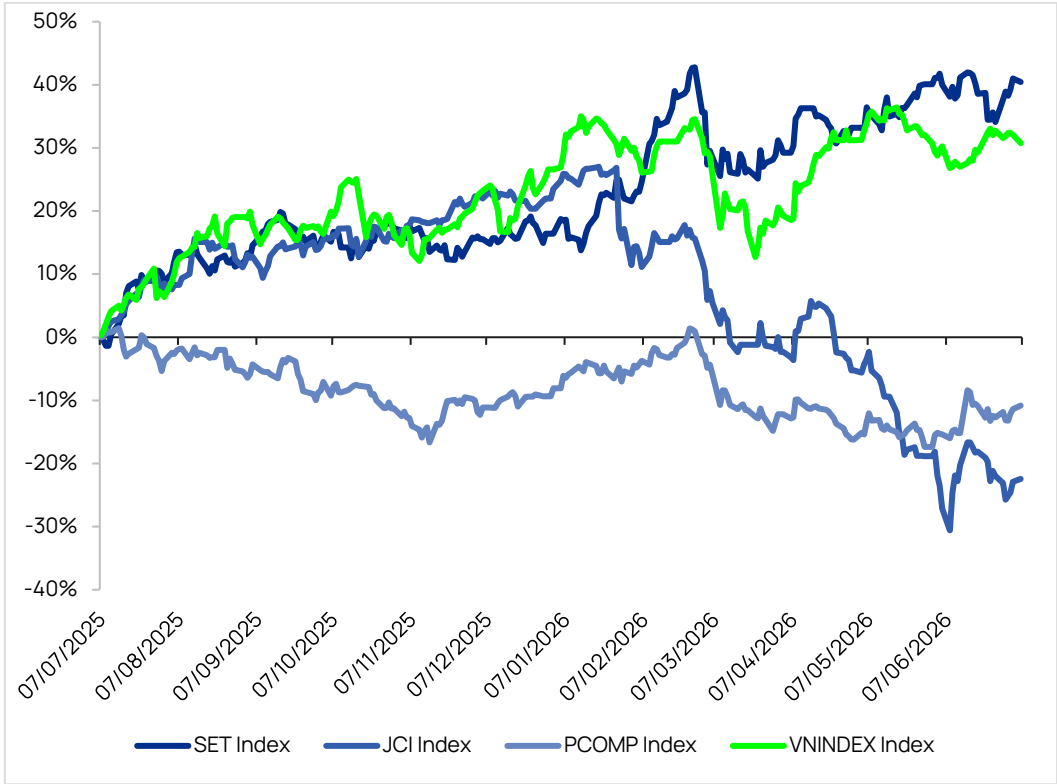
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



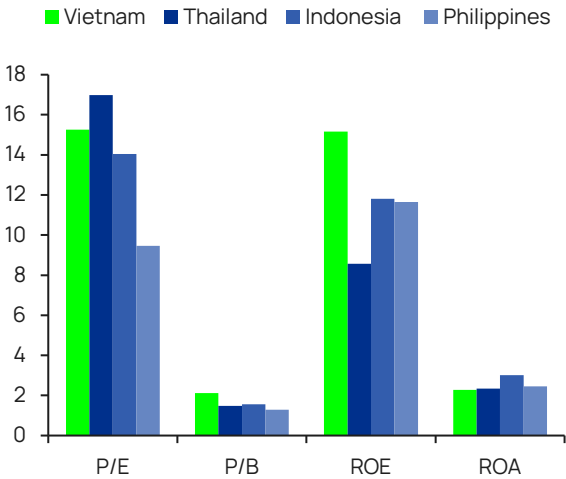
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	17,0	14,0	9,5	15,3
P/B	1,5	1,6	1,3	2,1
ROE (%)	8,6	11,8	11,6	15,2
ROA (%)	2,3	3,0	2,5	2,3
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	604,0	550,8	143,0	333,1
GTGD trung bình, tr USD	1.540,4	1.174,7	81,8	1.010,8
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	1.265,1	-4.293,3	-239,2	-2.973,6
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	557,2	(103,3)	0,1	(74,0)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,54%	7,09%	6,76%	4,20%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A - Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138

- Vũ Thế Quân, Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516
- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124

- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên cao cấp, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán - Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc

Phòng Giao dịch Chứng khoán - Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.